

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2020/DS-PT

Ngày 19/8/2020

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất
và hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/DS-PT ngày 10 tháng 2 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1966/2019/QĐPT-DS ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1936; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Văn L: Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu - Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông L Kim Phước là Luật sư của Công ty Luật hợp doanh Tạ Nguyệt Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị U, sinh năm 1938; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị U: Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu - Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2019 (có mặt).

3.2. Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

3.3. Ông Đoàn Hoàng H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3.4. Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1956 (vắng mặt)

3.5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1958 (vắng mặt)

3.6. Chị Đoàn Thị G, sinh năm 1977 (vắng mặt)

3.7. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.8. Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Đ, chị Đoàn Thị G, chị Đoàn Thị N, anh Đoàn Văn T: Ông Đoàn Văn B; sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu - Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2019 và ngày 12/11/2019 (có mặt).

3.9. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T, Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường - Văn bản ủy quyền số 263/UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ruột ông là ông Đoàn Văn Nho (chết năm 1971) và bà Trần Thị Phổ (chết năm 1973) để lại cho ông quản

lý, sử dụng trước năm 1975. Khoảng năm 1990, con trai ông là Đoàn Văn V và con dâu là Nguyễn Thị N không có chỗ ở nên ông cho vợ chồng ông V, bà N mượn miếng đất vườn còn để trống cho ông V, bà N cất nhà ở trên đất này. Ông chỉ cho vợ chồng ông V, bà N ở tạm chứ không cho luôn và không có làm giấy tờ. Năm 1996, vợ chồng ông V và bà N ly thân, ông V về Cà Mau sống, còn bà N vẫn ở trên đất này đến 2003 thì tháo dỡ nhà đi nhưng vẫn còn một số cây trồng trên đất. Năm 1999, bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến tháng 02 năm 2017 ông mới biết.

Ông khởi kiện yêu cầu bà N giao trả phần đất diện tích 2.200 m² thuộc thửa 199 tờ bản đồ số 12 do bà Nguyễn Thị N đứng tên theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Giá Rai và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.200m² thuộc thửa 199 tờ bản đồ số 12 do bà Nguyễn Thị N đứng tên.

Sau khi đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 10/10/2018 ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện với diện tích đất 1.621,8m² (đo đạc thực tế 1.633,8m²); ông yêu cầu bà N giao trả 578,2m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.200m² thửa số 199 tờ bản đồ số 12, do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho bà Nguyễn Thị N theo quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26 tháng 3 năm 1999.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Đoàn Văn L cho bà và ông Đoàn Văn V (chồng bà), cho vào năm 1984 nhưng không có giấy tờ. Bà ở trên đất từ năm 1984 đến năm 2003 thì tháo dỡ nhà đi.

Năm 1984, vợ chồng bà cất nhà dưới mé sông ngang 4,9m x dài 12m, cấu trúc căn nhà là loại nhà cây gỗ địa phương, cửa ván, vách lá, lợp lá, nền đất. Đến năm 1992 bà dời nhà lên phía trên khoảng 04m vì dưới mé sông bị sạt lở, kết cấu căn nhà khi dời vẫn giữ nguyên bà chỉ lợp lại mái lá căn nhà. Năm 1997, bị bão số 5 làm sụp căn nhà nên bà cất lại nhà nhỏ ngay căn nhà lúc trước, căn nhà lá, cột cây (cây gỗ địa phương) nền đất. Năm 2002 căn nhà này hư nên bà về nhà cha ruột ở đến nay.

Năm 1999 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 2.200 m², khi cấp không có đo đạc thực tế bà đăng ký, kê khai và cấp theo kê khai của bà.

Nay bà xác định diện tích đất 1.621,8m² (đo đạc thực tế 1.633,8m²) hiện gia đình ông L đang quản lý nhưng bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không tranh chấp, đây là tài sản của gia đình ông L. Đối với diện tích

còn lại mà ông L yêu cầu bà giao trả 578,2m² thì bà N xác định là ông L đã cho vợ chồng bà, bà không đồng ý giao trả. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.200m² thửa số 199 tờ bản đồ số 12, do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp cho bà theo quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26 tháng 3 năm 1999 thì bà đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng phần đất trên lộ và dưới kênh có diện tích 578,2m² (phần đất nêu tại phần III) bà không đồng ý và yêu cầu công nhận phần đất này cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn V trình bày: Phần đất đang tranh chấp là của ông Đoàn Văn L (cha ruột ông) cho vợ chồng ông mượn ở từ năm 1990 nên ông đồng ý theo yêu cầu ông L. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N ông hoàn toàn không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị U, ông Đoàn Văn B trình bày: Bà U, ông B thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L.

Đại diện của Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/3/1999 của Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) quyết định cấp cho 70 hộ nhưng đến khi cấp giấy thì lại cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị N. Tại Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 08/3/1999, mục kê khai họ tên vợ/chồng (của chủ hộ gia đình, cá nhân) thì bà N không kê khai tên chồng bà N mà lại kê khai tên con của bà là anh Đoàn Hoàng H là không đúng, tại đơn này có tẩy xóa nhưng không có sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và kê khai nguồn gốc “Phụ âm” là không rõ ràng. Từ những sai sót trên, Ủy ban nhân dân thị xã G đồng ý theo yêu cầu của ông Đoàn Văn L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N theo Quyết định số 145. Ủy ban nhân dân thị xã G sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại khi Tòa án giải quyết thuộc về ai và khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án dân sự số 21/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 và khoản 4 Điều 34, Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 217, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự; Điều 203 của Luật đất; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với bà Nguyễn Thị N.

[1.1] Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm giao trả cho ông Đoàn Văn L và bà Phạm Thị U phần đất tổng diện tích 578,2m² (phần đất trên lộ diện tích 342,6m² và phần đất cặp kênh diện tích 235,6m²), thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 124, đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh và vị trí như sau:

- Phần đất trên lộ: Diện tích 342,6m²

Hướng Đông giáp lộ Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 16,52m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 16,21m;

Hướng Nam giáp đất ông Dương Văn Chiêu, có số đo là 20,64m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 21,33m.

- Phần đất dưới kênh: Diện tích 235,6m²

Hướng Đông giáp kênh Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 9,78m;

Hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 11,63m;

Hướng Nam giáp đất ông Dương Văn Chiêu, có số đo là 23,37;

Hướng Bắc giáp đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 20,95m.

(Kèm theo bản án là Mảnh trích đo địa chính ngày 10/10/2018)

[1.2] Buộc ông Đoàn Văn L, bà Phạm Thị U phải hoàn trả giá trị thành tiền của 05 cây bạch đàn, 07 cây trâm bầu trên đất tranh chấp cho bà Nguyễn Thị N bằng số tiền 605.000 đồng. Ông Đoàn Văn L, bà Phạm Thị U được quyền sở hữu 05 cây bạch đàn, 07 cây trâm bầu trên đất tranh chấp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N đối với diện tích đất là 2.200m² tại thửa số 199, tờ bản đồ số 12 do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 30/5/1999), đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Đoàn Văn L có quyền đăng ký kê khai phần đất nêu trên theo quy định pháp luật.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với bà Nguyễn Thị N đòi trả phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.633,8m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 124, đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, đo vẽ; án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2019 bà Nguyễn Thị N kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất 578,2m² cho bà. Ngày 19/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN-VTVKS-DS đối với bản án dân sự trên yêu cầu sửa án theo hướng công nhận quyền sử dụng đất 578,2m² cho bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng 578,2m² đất của bà Nguyễn Thị N, phần còn lại thuộc quyền sử dụng của ông V đã giao cho ông Đoàn Văn L bà không có ý kiến, đề nghị ông Đoàn Văn L muốn sử dụng đất thì thanh toán bằng tiền, mỗi mét ngang là 20.000.000đ/m cho bà Nguyễn Thị N.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Văn L cho rằng nguồn gốc đất của gia đình ông Đoàn Văn L; nay ông Đoàn Văn L yêu cầu trả đất như án sơ thẩm là có căn cứ; đề nghị bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, thư ký và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, ông Đoàn Văn L cho vợ chồng bà Nguyễn Thị N 2.200m² đất sử dụng làm nhà ở và canh tác từ năm 1990 đến nay, sử dụng ổn định, liên tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm công nhận 578,2m² thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định pháp luật, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy:

[2.1]. Năm 1980, ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N kết hôn và sống chung bên nhà vợ. Đến năm 1990, ông Đoàn Văn L cho vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N thửa đất 0199, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2.200m², tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu sử dụng và vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N đã dựng nhà trên đất để sinh sống.

[2.2]. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đoàn Văn L cho rằng diện tích đất trên, ông chỉ cho vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N mượn để cất nhà ở nên hai bên chỉ nói miệng mà không làm giấy tờ. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N sử dụng đất cất nhà để ở từ năm 1990, đến năm 1999 ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N mâu thuẫn, ông V về Cà Mau sinh sống; bà N cùng 3 con sinh sống tại nhà đất trên, ông Đoàn Văn L cũng không có ý kiến về việc bà N đang sử dụng đất.

[2.3]. Vợ chồng bà Nguyễn Thị N sử dụng đất trước ngày 15/10/1991, đã trồng cây và cất nhà ở trên 12 năm. Đến năm 2002, do bão nhà bị sập nên bà Nguyễn Thị N mới đưa con về nhà cha mẹ ruột ở nhưng vẫn quản lý đất. Như vậy, vợ chồng bà Nguyễn Thị N đã quản lý, sử dụng đất và làm nhà ở ổn định, liên tục, làm tăng giá trị đất. Đồng thời, cũng chính việc bà Nguyễn Thị N ở trên đất và kê khai, đăng ký nên ngày 30/5/1999, UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 2.200m² đất (trong đó có 300m² đất ở) cho bà Nguyễn Thị N là đúng đối tượng, đúng quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Luật đất đai năm 1993. Do đó, diện tích 2.200m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Nguyễn Thị N là phù hợp với Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/04/2016.

[2.4]. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bà Nguyễn Thị N không cung cấp được tài liệu cho đất, vợ chồng ông Đoàn Văn V và bà Nguyễn Thị N không xây nhà kiên cố nên không có căn cứ cho đất là không đúng thực tế khách quan, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà Nguyễn Thị N.

[2.5]. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị N tự nguyện giao trả lại 1.633,8m² đất nông nghiệp cho gia đình của ông Đoàn Văn L. Nay, bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn V đã ly hôn, bà N chỉ yêu cầu sử dụng diện tích 578,2m² (trong đó có 300m² đất ở) là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu gia đình ông Đoàn Văn L trả giá trị đất bằng tiền, ông Đoàn Văn L không chấp nhận, nên giao cho bà Nguyễn Thị N sử dụng diện tích đất trên. Do đó, cần hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị N, để hai bên liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mỗi bên được sử dụng.

[3]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N; sửa bản án sơ thẩm. Ông Đoàn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do là người cao tuổi nên được miễn. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKN-VTVKS-DS ngày 19/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Sửa Bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 217, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 725, Điều 726 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 và khoản 4 Điều 49 Luật đất năm 1993; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với bà Nguyễn Thị N.

Bà Nguyễn Thị N được sử dụng tổng diện tích 578,2m² trong đó có 300m² đất ở (phần đất trên lộ diện tích 342,6m² và phần đất cặp kênh diện tích 235,6m²) thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, có số đo các cạnh và vị trí như sau:

- Phần đất trên lộ: Diện tích 342,6m²

Hướng Đông giáp lộ Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 16,52m;

Hướng Tây giáp phần đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 16,21m;

Hướng Nam giáp đất ông Dương Văn Chiêu, có số đo là 20,64m;

Hướng Bắc giáp phần đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 21,33m.

- Phần đất dưới kênh: Diện tích 235,6m²

Hướng Đông giáp kênh Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 9,78m;

Hướng Tây giáp lộ Giá Rai – Phó Sinh, có số đo là 11,63m;

Hướng Nam giáp đất ông Dương Văn Chiêu, có số đo là 23,37m;

Hướng Bắc giáp đất ông Đoàn Văn L, có số đo là 20,95m.

Buộc ông Đoàn Văn L và bà Phạm Thị U có trách nhiệm giao trả lại diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị N.

(Kèm theo bản án là Mảnh trích đo địa chính ngày 10/10/2018)

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn L về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N đối với diện tích đất là 2.200m² tại thửa số 199, tờ bản đồ số 12 do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là thị xã G) cấp ngày 30/5/1999, đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Đoàn Văn V, ông Đoàn Văn L và bà Phạm Thị U; bà Nguyễn Thị N có quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định bản án, được quy định tại khoản 3 Điều 100 và khoản 2 Điều 170 Luật Đất đai 2013.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn L đối với bà Nguyễn Thị N đòi trả phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.633,8m² thuộc thửa 199, tờ bản đồ số 124, đất tọa lạc tại Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn L được miễn. Hoàn trả cho ông Đoàn Văn L số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0008990 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Ông Đoàn Văn L phải chịu 2.810.000 đồng và đã nộp xong.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010237 ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (1);
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu (1);
- Đương sự (6)
- Lưu VP (6), HS (1), PTHH 18

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Ý